

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. BUÔN MA THUẬT **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 141/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26/10/2021

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long.

2. Ông Nguyễn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2021/TLST - HNGĐ ngày 01/4/2021, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2021/QĐXX-ST ngày 08/10/2021, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh L; Sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Qu. (Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt)

+ *Bị đơn:* Bà Hồ Thị H; Sinh năm 1992. Hộ khẩu thường trú: Số 00 Nguyễn Lương B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: Số 00 T, phường 00, quận 00, thành phố H.(Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn ông Trần Thanh L trình bày như sau:*

Tôi và bà Hồ Thị H sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/5/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng quan

điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xích mích, mâu thuẫn lẫn nhau. Do vậy, từ giữa năm 2020 thì vợ chồng ly thân đến nay. Xét tình cảm vợ chồng không còn nên tôi nộp đơn đến Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn bà Hồ Thị H. Nguyên vọng của tôi là xin được ly hôn bà Hồ Thị H

Về con chung: Tôi và bà H chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Tại bản tự khai lập ngày 15/4/2021 bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà H thừa nhận lời trình bày của ông L về thời gian chung sống, kết hôn, con chung là đúng thực tế. Theo bà H thì sau khi cưới bà và ông L chỉ sống hạnh phúc được khoảng vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Do vậy vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Hơn nữa, vợ chồng ly thân một thời gian khá dài do vậy, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông L ly hôn. Về con chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà H không đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Thanh L và bà Hồ Thị H vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hồ Thị H, vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không có lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; Điều 72; Điều 203; Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Thanh L ly hôn bà Hồ Thị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông L, bà H chưa có con chung, nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Thanh L, bà Hồ Thị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

- Về án phí: Ông Trần Thanh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Trần Thanh L, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là: “Ly hôn” được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm ông Trần Thanh L khởi kiện bị đơn bà Hồ Thị H cư trú tại phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn ông Trần Thanh L, bị đơn bà Hồ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX áp dụng Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Thanh L và bà Hồ Thị H.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh L và bà Hồ Thị H chung sống với nhau từ tháng năm 2019, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có Đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/5/2019. Như vậy, hôn nhân của ông L, bà H là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn ông L, bà H chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L, bà H không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Đến đầu năm 2020 thì ông L, bà H sống ly thân đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án ông L và bà H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, HĐXX có đủ căn cứ khẳng định hôn nhân giữa ông L, bà H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho ông L được ly hôn bà Hồ Thị H là phù hợp

- Về con chung: Quá trình sống chung ông Trần Thanh L và bà Hồ Thị H chưa nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Thanh L, bà Hồ Thị H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Trần Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số AA/2019/0018798 ngày 30 tháng 3 năm 2021.

[4] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Thanh L ly hôn bà Hồ Thị H.

- Về con chung: Ông Trần Thanh L, bà Hồ Thị H không có con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Thanh L, bà Hồ Thị H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Buộc ông Trần Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số AA/2019/0018798 ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

